TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1108/2017/HNGĐ-PT
Ngày 07-12-2017
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên.

Ông Nguyễn Khắc Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2746/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 3/4 đường B, Khu phố N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 1760 Ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị R, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 1758 Ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Do có kháng cáo của: Nguyên đơn - ông Phan Văn C.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2016 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mai Q trình bày:

Bà và ông Phan Văn C thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 635/2014/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung quyết định thì bà và ông Phan Văn C, có hai con chung là trẻ Phan Ngọc Tường V, sinh ngày 04/10/2009 (giới tính nữ) và trẻ Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 07/09/2013 (giới tính nữ), giao cho ông Phan Văn C trực tiếp nuôi dưỡng bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà đến thăm con, thì ông C ngăn cản không cho bà vào nhà thăm con, không cho đưa con về nhà chơi, sau này khi muốn gặp con thì người nhà của ông C đưa hai trẻ ra đường cho gặp, do có sự ngăn cản của ông C bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi quyền nuôi con đối với ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án bà đến thăm con ông C không cho, nên bà có đến chính quyền trình báo sự việc và lập biên bản ghi nhận sự việc vào ngày 28/02/2017; từ đó về sau thì ông C cho bà thăm con và đưa con về nhà chơi; trong thời gian nuôi con ông C đã không tròn trách nhiệm làm cha để trẻ T đã chết do tai nạn giao thông; hiện ông C đã có vợ khác và con riêng; ông đưa trẻ V cho bà Phạm Thị R nuôi (là mẹ ruột của ông C).Vì vậy Bà yêu cầu được nuôi trẻ V, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, hiện bà đang làm công nhân lương tháng khoảng 8.500.000 đồng, bà đang sống cùng cha mẹ ruột, bà chưa lập gia đình khác.

Bị đơn là ông Phan Văn C trình bày:

Ông và bà Q ly hôn và con chung ông nuôi hai trẻ đúng như bà Q trình bày. Sau khi ly hôn bà Q không thường xuyên đến thăm con, bỏ bê con cái, các con từ nhỏ đều do gia đình ông nuôi dưỡng, ông vẫn chăm sóc các con chu đáo, cho con ăn học đàng hoàng và ông tạo điều kiện cho bà Q đến thăm con. Vào năm 2016 trẻ T chết do tai nạn giao thông. Nay bà Q yêu cầu thay đổi quyền nuôi con ông không đồng ý do bà Q thường xuyên đi ăn chơi, nhậu nhẹt bê tha với bạn bè, nếu giao trẻ V cho bà Q thì làm ảnh hưởng xấu đến đạo đức của trẻ. Hiện ông đã có gia đình khác, có nhà riêng và có con riêng, ông làm nghề tự do và cho thuê phòng trọ, thu nhập bình quân mỗi tháng là 9.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị R trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông Phan Văn C, sau khi ly hôn thì bà là người trực tiếp nuôi cả hai con chung của ông C và bà Q. Khi sinh con xong bà Q bỏ bê không chăm sóc, sau khi ly hôn thì chỉ có cha của bà Q thường xuyên đến thăm cháu, bà Q lâu lâu đến thăm con một lần, đến thì không vào nhà mà yêu cầu các con của bà đem trẻ ra cho bà

Q thăm, sau khi nộp đơn đến Tòa thì bà nhờ người nhà của bà đến đưa trẻ V về nhà chơi mỗi tuần. Nay bà Q yêu cầu nuôi con là trẻ V bà không đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm số 113/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Mai Q.

Giao trẻ Phan Ngọc Tường V, sinh ngày 04/10/2009 (giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thị Mai Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Bà Q không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phan Văn C. Ông Phan Văn C phải có trách nhiệm giao con chung là trẻ V cho bà Q ngay khi án có hiệu lực thi hành.

2. Về án phí: Ông Phan Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Q 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0021582 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 19/09/2017, bị đơn là ông Phan Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về việc thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn. Ông cho rằng chưa hỏi ý kiến của trẻ việc trẻ yêu cầu ở với ai là chưa thỏa đáng, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi trẻ V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mai Q trình bày:

Bà yêu cầu được nuôi trẻ V, do hiện nay ông C đã có vợ khác và con riêng, nếu giao con cho ông C trực tiếp nuôi dạy thì ông sẽ không toàn tâm chăm sóc. Bên cạnh đó trẻ V là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ, bản thân bà hiện đang là công nhân có công việc ổn định và thu nhập đủ nuôi con.

Bị đơn là ông Phan Văn C trình bày:

Tuy ông có vợ khác và con riêng nhưng ông vẫn thương yêu trẻ V, thu nhập hiện nay của ông là cho thuê phòng trọ trung bình một tháng là 9.000.000 đồng, ông có thể chăm lo tốt cho trẻ V. Nếu giao trẻ V cho bà Q trực tiếp nuôi dạy sau này bà Q lập gia đình sẽ ảnh hưởng đến trẻ V nên ông không đồng ý giao con cho bà Q nuôi dạy. Bà Q làm công nhân giờ giấc không ổn định sẽ không chu toàn cho việc nuôi dạy con.

Người có quyền lợi, nghĩa cụ liên quan là bà Phạm Thị R trình bày:

Bà xác nhận hai trẻ T và V điều do bà trực tiếp nuôi dạy, ông C ở gần nhà bà nên có sang thăm con, sau khi trẻ T chết bà vẫn tiếp tục nuôi trẻ V cho đến hiện nay. Bà Q còn trẻ tuổi, sau này bà có thể lập gia đình mới nên bà không đồng ý giao cho bà Q nuôi trẻ V, mà bà yêu cầu tiếp tục nuôi, sau này khi trẻ V lớn, đủ 18 tuổi thì trẻ V muốn sống với ai là tùy trẻ V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử ngày 01/09/2017, ông Phan Văn C vắng mặt, ngày 15/09/2017 ông C nhận bản án, đến ngày 19/09/2017 ông C kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trẻ V đã hơn 07 tuổi, trẻ có nguyện vọng sống cùng mẹ. Bên cạnh đó trẻ V là con gái nên cần xem xét đến giới tính, khi đến tuổi trưởng thành trẻ cần có mẹ quan tâm chia sẻ, giao con chung cho mẹ nuôi là phù hợp, do đó quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, nên không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Phan Văn C làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên đươc chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dạy. Ông cho rằng chưa hỏi ý kiến của trẻ V về việc trẻ có nguyện vọng sống cùng ai là chưa thỏa đáng.

Xét, việc chăm sóc nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung sau khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi và nguyện vọng của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Sau khi ly hôn ông C là người được Tòa án giao trực tiếp nuôi cả hai con chung là trẻ V và trẻ T, trong quá trình nuôi dạy con chung thì trẻ T đã chết do tai nạn giao thông. Ông C và bà Ra (mẹ ruột ông C) xác nhận sau khi ly hôn hai trẻ T và V điều do bà R trực tiếp nuôi dạy. Bên cạnh đó ông C đã kết hôn với người phụ nữ khác và đã có con riêng.

Bà Q hiện đang có công việc và thu nhập ổn định.

Trẻ V có nguyện vọng sống cùng mẹ (bút lục số 42).

Tại phiên tòa phúc thẩm ông C, bà Q cùng bà R xác nhận các bên đương sự có đưa trẻ V đến tòa ghi nhận lời khai trẻ sẽ sống cùng ai nhưng do sợ sự ảnh hưởng của người thân nên trẻ không có lời khai trước mặt các bên, sau khi Thẩm phán yêu cầu người thân ra ngoài thì trẻ có lời khai. Các đương sự xác nhận chữ ký và chữ viết tại bút lục số 42 là của trẻ V. Như vậy cho thấy trẻ V đã có lời khai sống cùng ai tại Tòa án cấp sơ thẩm, cho nên việc ông C cho rằng chưa có lời khai của trẻ V sống cùng ai là không có cơ sở.

Căn cứ vào Điều 81, Khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì trẻ V đã trên 07 tuổi và trẻ có nguyện vọng sống cùng mẹ. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi quyền nuôi con chung đối với ông C và giao con chung trẻ V cho bà Q trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ và theo nguyện vọng của trẻ là có cơ sở, nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn C phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Phan Văn C phải nộp án phí.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Phan Văn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mai Q.

1/ Giao trẻ Phan Ngọc Tường V, sinh ngày 04/10/2009 (giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thị Mai Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phan Văn C do bà Q không yêu cầu. Ông Phan Văn C phải có trách nhiệm giao con chung là trẻ V cho bà Q ngay khi án có hiệu lực thi hành.

Ông Phan Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C nếu ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

2.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn C phải nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mai Q 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0021582 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2/ Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn C phải nộp án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai

thu số AA/2017/0030371 ngày 20/09/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh